



## Picture description

### Mô tả tranh

The children are building a sandcastle at the beach.

The girl is brushing her teeth in the bathroom.

The girl is writing a story at school.

The children are building a sandcastle at the beach.

The boy is playing on the swings at the park.

The girl is playing chase at the park.

The girl is brushing her teeth in the bathroom.

The girl is eating breakfast in the kitchen.

The girl is eating ice cream at the beach.

Children are catching on the beach.

The children are eating lunch at school.

The boy is reading a book in the library.

The girl is eating popcorn at the cinema.

The girl is eating popcorn at the cinema.

ink saving Eco

Trình độ: A1 – B2

Cách thực hiện:

- Chuẩn bị một số thẻ tranh ảnh thuộc chủ đề liên quan (Bản giấy hoặc trình chiếu).
- Đặt một 3 – 4 câu hỏi gợi ý để học sinh dễ dàng liên tưởng.
- Cho học sinh 1 phút để quan sát và chuẩn bị.
- Cho học sinh nói trước lớp hoặc bắt cặp.

Lưu ý:

- Bức tranh càng phức tạp thì đòi hỏi trình độ càng cao.
- Cho phép học sinh mô tả một cách “mơ hồ” khi các em gặp từ mới và chưa biết mô tả như thế nào, thầy cô có thể gợi ý và đề nghị học sinh lặp lại.

Ví dụ:

Học sinh nhận ra điểm khác biệt giữa 2 bức tranh là “lâu đài cát” (sandcastle) nhưng chưa biết từ vựng này, các em có thể thay thế từ đó bằng “something” (thứ gì đó) và mô tả để mọi người cùng hiểu. Thầy cô sẽ dựa vào mô tả của học sinh và chỉ ra điểm khác biệt, hoặc cũng có thể chỉ vào điểm đó và nói “sandcastle” rồi yêu cầu học sinh lặp lại.



## Spot the difference

## Tìm điểm khác biệt



Trình độ: A1, A2

Cách thực hiện:

- Chuẩn bị các cặp tranh ảnh giống nhau 80% và có vài điểm khác biệt.
- Yêu cầu học sinh quan sát trong 1 – 2 phút.
- Học sinh đứng tại chỗ miêu tả điểm khác biệt giữa hai bức tranh bằng tiếng Anh sao cho cả lớp nhận ra được điểm khác biệt đó.
- Ứng dụng yếu tố game như tính điểm, thưởng – phạt để tăng phần thú vị cho hoạt động.

Lưu ý:

- Sử dụng tranh phù hợp trình độ học sinh và chủ đề học tập
- Đoán trước các từ vựng/ mẫu câu học sinh sẽ sử dụng và gợi ý cho các em trong phần Pre.



## Fortunately..., Unfortunately...

### May mắn thay, Không may thay



Trình độ: A2 – B2

Cách thực hiện:

Yêu cầu học sinh hoạt động theo dãy hàng.

Người đầu tiên sẽ đặt câu bắt đầu bằng “Fortunately...”, người tiếp theo đặt câu bắt đầu bằng “Unfortunately...”.

Ví dụ:

Học sinh A: **Fortunately**, the weather was nice and the skydiver was safe.

*May mắn thay, thời tiết đẹp và người nhảy dù đã an toàn.*

Học sinh B: **Unfortunately**, the skydiver was in danger because of the strong winds.

*Không may rằng người nhảy dù đã gặp nguy hiểm vì gió lớn.*

Học sinh C: **Fortunately**, Anna gets up late and today is the weekend.

*May là Anna dậy muộn và hôm nay lại là cuối tuần.*

Học sinh D: **Unfortunately**, when she came he has left already.

*Thật không may, khi cô ấy tới thì anh ta đã rời đi rồi.*



## Role-Play

### Đóng vai



Trình độ: A2 – B2

Cách thực hiện:

- Chia lớp thành các nhóm hoặc cặp tùy vào sĩ số.
- Chọn một chủ đề cụ thể và phân vai sao cho phù hợp. (Thầy cô có thể phân vai sẵn hoặc để các em tự lựa chọn).
- Yêu cầu các nhóm thể hiện trước lớp.
- Nhận xét và sửa lỗi.

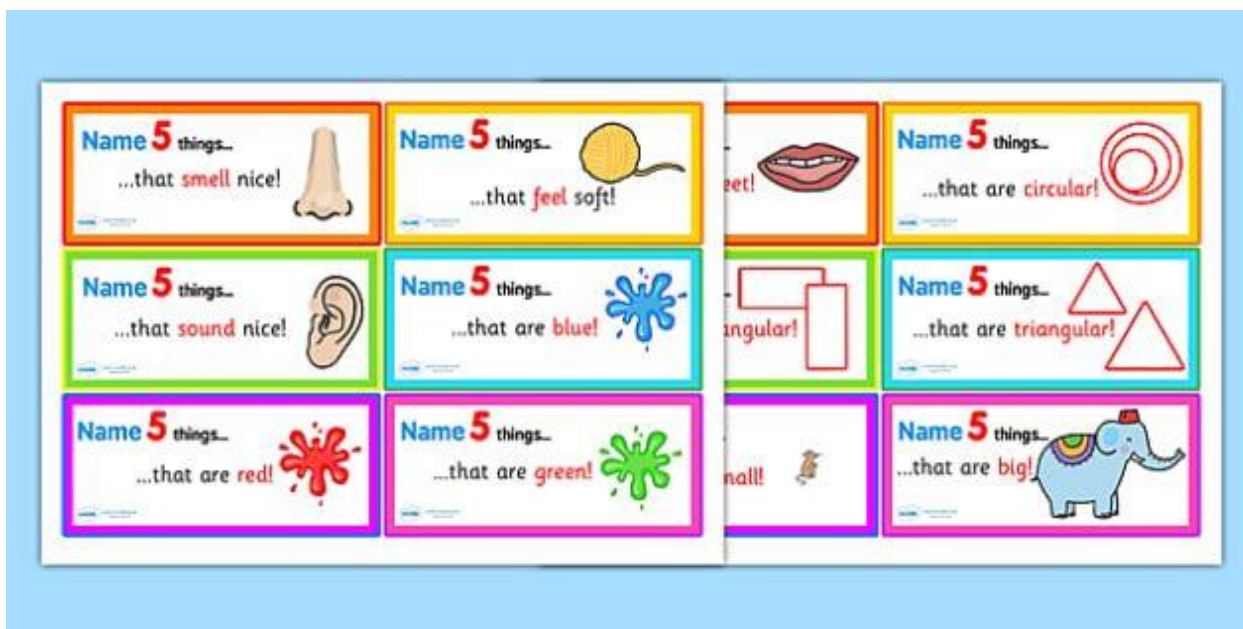
Một số chủ đề Role-play thực tế:

- Booking a hotel (Đặt phòng khách sạn)
- Buying clothes (Mua quần áo)
- Doing a phone call (Gọi điện thoại)
- Planning a picnic (Lên kế hoạch đi dã ngoại)
- Directions (Chỉ đường)
- At the coffee shop (Ở quán cà phê)
- Order food at a restaurant (Gọi món tại nhà hàng)
- Booking a flight (Đặt chuyến bay)
- Booking a table (Đặt bàn)



## Name 5 things

### Kể 5 thứ



Trình độ: A1, A2

Cách thực hiện:

- Chuẩn bị sẵn các thẻ câu hỏi bắt đầu bằng: Name 5 things...
- Phát cho từng học sinh một thẻ từ.
- Gọi học sinh trả lời lần lượt.
- Ứng dụng thưởng – phạt, tính điểm để tăng độ thú vị.

Lưu ý:

Trò chơi không giới hạn chủ đề và trình độ.

Có thể chuẩn bị sẵn các thẻ câu hỏi, phát cho từng học sinh

Ví dụ:

- Name 5 things you can find in the park.  
*Kể tên 5 thứ bạn có thể tìm thấy trong công viên.*
- Name 5 things in your bag.  
*Kể tên 5 thứ trong ba-lô của bạn.*
- Name 5 things that are red.  
*Kể tên 5 thứ có màu đỏ.*